

Xây dựng Tạp chí KH&CN Việt Nam theo hướng liên ngành, đa lĩnh vực, đạt chuẩn quốc tế

Nguyễn Thị Hương Giang

Tạp chí KH&CN Việt Nam

Việc xuất bản các tạp chí khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm đăng tải các công trình nghiên cứu tầm quốc gia, quốc tế, có chỉ số trích dẫn cao, được quốc tế công nhận là một trong những yêu cầu quan trọng trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của nền khoa học và công nghệ (KH&CN) nước nhà. Được sự quan tâm của Lãnh đạo Bộ KH&CN, từ năm 2013, Tạp chí KH&CN Việt Nam (trước đây là Tạp chí Hoạt động Khoa học) đã thực hiện Đề án Nâng cấp Tạp chí theo tiêu chuẩn quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Đến nay, qua 2 giai đoạn thực hiện (2013-2014 và 2015-2016), Tạp chí đã có sự thay đổi đáng kể, được cộng đồng KH&CN trong và ngoài nước ghi nhận: từ một số/tháng lên 2 số/tháng, trong đó có 1 số chuyên đăng tải các bài báo khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế, có phản biện kín, được 14 Hội đồng chức danh giáo sư ngành, liên ngành cấp nhà nước tính điểm công trình... Với lộ trình của mình, Tạp chí đang nỗ lực phấn đấu vươn tới đạt tiêu chuẩn quốc tế theo Scopus như mục tiêu của Đề án đã đề ra.

Sự cần thiết phải xuất bản các tạp chí khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế

Trong tiến trình phát triển KH&CN của các quốc gia, việc xuất bản các tạp chí khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế là một yếu tố quan trọng góp phần hỗ trợ và thúc đẩy nội lực KH&CN của mỗi nước, bởi việc xuất bản sẽ đáp ứng nhu cầu công bố các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước, mặt khác góp phần tăng cường trao đổi, hợp tác, hội nhập quốc tế về KH&CN. Không chỉ các nước châu Âu và Hoa Kỳ, nhiều nước châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Singapore... đã có nhiều tạp chí khoa học được quốc tế công nhận.

Trong bối cảnh đó, những năm gần đây, Việt Nam đã bắt đầu xu hướng phát triển một số tạp chí khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế. Có thể kể đến những nỗ lực của các tạp chí như: *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology*

(ANSN), *Acta Mathematica Vietnamica*, *Vietnam Journal of Mathematics*, một số tạp chí khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh... trong việc xây dựng và phát triển theo chuẩn quốc tế, tiến tới được đưa vào cơ sở dữ liệu của Scopus và ISI.

Theo số liệu của Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước, đến hết năm 2015, cả nước có tổng cộng 334 tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (International Standard Serial Number, ISSN) được Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, 28 Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và gần 100 Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở đưa vào danh sách xem xét, tính điểm cho các bài báo của các ứng viên GS, PGS (chưa kể các tạp chí khoa học quốc tế mà các ứng viên GS, PGS đã có bài báo đăng trên đó). Rất đáng mừng là trong quá trình hội nhập quốc tế, nhiều tân

GS, PGS đã có những công bố quốc tế xuất sắc loại SCI, SCIE (khoa học tự nhiên và công nghệ) và SSCI, A&HCI (khoa học xã hội và nhân văn), với hệ số ảnh hưởng IF rất cao. Cũng trong số 334 tạp chí khoa học trong nước, chỉ có một tạp chí mới được xếp vào ISI/Science Citation Index Expanded (SCIE) trong tháng 1/2016, đó là ANSN do GS.VS Nguyễn Văn Hiệu làm Tổng biên tập. Sau khi được đưa vào cơ sở dữ liệu Scopus từ năm 2014, Tạp chí ANSN do Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam phối hợp với Nhà xuất bản IOP (Vương quốc Anh) xuất bản đã được Thomson Reuters đưa vào cơ sở dữ liệu SCIE căn cứ vào hệ số ảnh hưởng IF của ANSN do Thomson Reuters đánh giá trong 12 tháng của năm 2015. Bên cạnh ANSN, Việt Nam còn có hai tạp chí toán học trong cơ sở dữ liệu Scopus, đó là: Acta Mathematica Vietnamica của Viện Toán học (từ năm 2011) và Vietnam Journal of Mathematics của Hội Toán học Việt Nam và Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (từ năm 2014).

Trong số 334 tạp chí khoa học nêu trên chỉ có 26 tạp chí (7,78%) xuất bản toàn phần hoặc một phần bằng tiếng Anh. Như vậy, chưa bàn về chất lượng khoa học, có thể thấy số lượng các tạp chí khoa học bằng tiếng Anh của nước ta còn quá ít ỏi. Gần 100% tạp chí khoa học của chúng ta đang xuất bản bằng tiếng Việt. Trong đợt xét công nhận GS, PGS năm 2015, chỉ có 3/28 Hội đồng ngành mà 100% tân GS, PGS có công bố quốc tế, đó là Vật lý, Toán học và Công nghệ thông tin, trong khi đó có tới 10/28 Hội đồng ngành không có công bố quốc tế. Đây là điểm yếu và là một thiệt thòi lớn đối với KH&CN Việt Nam.

Ở nước ta, đa số ngành, chuyên ngành trong khoa học như toán, lý, hóa, kinh tế... đã xuất bản những tờ tạp chí khoa học trong lĩnh vực riêng của mình, trong đó có một số ít đang tự hoàn thiện để đạt các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, chúng ta lại chưa có một tờ tạp chí khoa học đa ngành, liên ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, trong khi nhu cầu đăng tải, công bố các kết quả nghiên cứu khoa học đa ngành, liên ngành trong thực tế đang đòi hỏi rất bức thiết. Đây cũng là một nhu cầu chính đáng và cần thiết trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay.

Xây dựng Tạp chí KH&CN Việt Nam theo hướng liên ngành, đa lĩnh vực, đạt chuẩn quốc tế

Bộ KH&CN là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN. Các báo, tạp chí của Bộ đóng vai trò là cơ quan ngôn luận, lý

luận quan trọng của Bộ. Việc tập trung đầu tư xây dựng một tờ tạp chí khoa học đa ngành, liên ngành, đã có nền móng vững chắc và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực KH&CN, trực thuộc sự quản lý của Bộ KH&CN trở thành một tạp chí khoa học đạt tiêu chuẩn quốc tế là một việc làm cần thiết và phù hợp với xu hướng cũng như đòi hỏi thực tế của KH&CN Việt Nam.

Xuất phát từ nhu cầu đó, năm 2012, Lãnh đạo Bộ KH&CN đã phê duyệt Đề án tổng thể Nâng cấp Tạp chí Hoạt động Khoa học (nay là Tạp chí KH&CN Việt Nam) theo tiêu chuẩn quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Mục tiêu của Đề án là đến năm 2020 Tạp chí có đủ các điều kiện nộp hồ sơ đạt chuẩn theo Scopus và phần đầu sẽ đạt tiêu chuẩn ISI vào năm 2025-2030. Với truyền thống lịch sử và bề dày gần 60 năm xây dựng và phát triển, Tạp chí có những lợi thế riêng trong việc nâng cấp, phát triển thành tạp chí khoa học quốc tế. Tuy nhiên, đây cũng là một nhiệm vụ khó khăn, chưa có tiền lệ trong việc phát triển một tạp chí đa ngành, đa lĩnh vực ở Việt Nam, đòi hỏi sự nỗ lực, cố gắng của lãnh đạo và các cán bộ của Tạp chí, đặc biệt là của Hội đồng biên tập.

Để phát triển thành một tạp chí khoa học quốc tế, Tạp chí đã và đang phấn đấu nhằm đáp ứng 5 tiêu thức chính và 16 tiêu thức con của một tạp chí khoa học trong danh mục Scopus:

Tiêu thức chính	Tiêu thức con
Chính sách tạp chí (Journal Policy)	Tính thuyết phục của chính sách biên tập
	Tính đa dạng về mặt địa lý/lĩnh vực của các nhà biên tập (editor)
	Tính đa dạng về mặt địa lý/lĩnh vực của các tác giả (author)
	Toàn bộ trích dẫn/tham khảo được trình bày theo font chữ Roman theo hệ thống Numeric
	Tóm lược bài viết bằng tiếng Anh
	Cấp độ phản biện (peer review)
Điểm (tối đa 35%)	
Nội dung (Content)	Đóng góp học thuật cho lĩnh vực nghiên cứu
	Sự rõ ràng trong phần tóm tắt
	Sự tương hợp với tôn chỉ, mục đích của tạp chí
	Khả năng diễn đạt và đọc hiểu của bài viết
Điểm (tối đa 20%)	
Mức độ trích dẫn (Citedness)	Mức độ trích dẫn các bài báo của tạp chí trong hệ thống Scopus
	Mức độ trích dẫn các nhà biên tập trong hệ thống Scopus
Điểm (tối đa 25%)	
Tính thường xuyên (Regularity)	Không có sự chậm trễ trong tiến độ xuất bản
Điểm (tối đa 10%)	
Sự sẵn có nội dung trực tuyến (Online availability)	Sự sẵn có nội dung trực tuyến
	Có website ngôn ngữ tiếng Anh
	Chất lượng website
Điểm (tối đa 10%)	
Tổng điểm (100%)	

Đến nay, Đề án đã được triển khai 2 giai đoạn: *Giai đoạn I (2013-2014)*: Tạp chí đã tăng tần suất xuất bản từ 1 số/tháng (năm 2012) lên 2 số/tháng, mỗi số 64 trang, trong đó các bài viết trong chuyên mục Nghiên cứu - trao đổi có tiêu đề bằng tiếng Anh, tóm tắt tiếng Anh, được phản biện kín, chiếm dung lượng khoảng 30% tổng số trang của Tạp chí. Tạp chí cũng đã xây dựng được Hội đồng biên tập (12 thành viên) và Hội đồng tư vấn (10 thành viên) gồm các nhà khoa học, các nhà quản lý có trình độ cao, giàu kinh nghiệm, bao quát các lĩnh vực KH&CN chính. *Giai đoạn II (2015-2016)*: Tạp chí tách thành 2 series A và B, trong đó series A thực hiện các nhiệm vụ truyền thống của Tạp chí (phục vụ hoạt động quản lý KH&CN), series B chuyên đăng tải các công trình khoa học với hình thức và nội dung theo tiêu chuẩn quốc tế. Hội đồng biên tập của Tạp chí gồm 25 thành viên (theo 5 lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y - dược, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học nông nghiệp), Hội đồng tư vấn gồm 10 thành viên. Hiện nay, Tạp chí đã được 14 Hội đồng chức danh giáo sư ngành, liên ngành cấp nhà nước tính điểm công trình.

Như vậy, thông qua việc thực hiện Đề án giai đoạn I và giai đoạn II, Tạp chí đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, đặt nền móng cho việc nâng cấp Tạp chí theo tiêu chuẩn quốc tế và đã xây dựng trình Lãnh đạo Bộ kế hoạch thực hiện giai đoạn III (2017-2018) của Đề án nhằm tiến tới đạt các mục tiêu đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt. Theo kế hoạch, trong giai đoạn III, bên cạnh việc tiếp tục phát triển các series A, B bằng tiếng Việt, Tạp chí sẽ xuất bản series C bằng tiếng Anh chuyên đăng tải các công trình khoa học trong nước và quốc tế, với các bài báo khoa học có nội dung và hình thức theo tiêu chuẩn quốc tế Scopus.

Một số kiến nghị, đề xuất

Việc nâng cấp Tạp chí KH&CN Việt Nam theo chuẩn quốc tế sẽ góp phần thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH&CN, nâng cao uy tín và tầm ảnh hưởng của Bộ KH&CN với cộng đồng KH&CN trong và ngoài nước, đồng thời giúp Tạp chí phát triển lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu của Bộ và nhu cầu đăng tải kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học.

Các công việc của Đề án đang được thực hiện theo đúng lộ trình và đã đạt được những kết quả bước đầu rất khả quan. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Đề án cũng cho thấy nhiều khó khăn, thách thức, bởi đây là một vấn đề mới và khó, chưa có một khung mẫu chuẩn, đòi hỏi sự nỗ lực cao của đội ngũ cán bộ, biên tập viên của Tạp chí. Đặc biệt là rất cần sự hỗ trợ, quan tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ, sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị chức năng trong Bộ, sự đóng góp thực sự của Hội đồng biên tập cũng như cộng đồng khoa học Việt Nam. Cơ chế tài chính cho việc thực hiện Đề án cũng cần có những thay đổi cho phù hợp với đặc thù công việc chuyên môn cũng như khuyến khích các biên tập viên chuyên tâm với công việc của mình. Việc đầu tư cho Tạp chí để nâng cao chất lượng các bài báo khoa học và đạt tiêu chuẩn quốc tế là một quá trình lâu dài, liên tục mới có thể đạt được thành công như mong muốn.

Để thực hiện Đề án đạt hiệu quả cao, cần thực hiện tốt các công việc sau: 1) Tiếp tục đảm bảo số lượng và nâng cao chất lượng các bài báo khoa học, nhằm phát triển và vươn tầm quốc tế; 2) Kien toàn và quốc tế hóa Hội đồng biên tập, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho đóng góp của các thành viên Hội đồng; 3) Đào tạo và tự đào tạo đội ngũ biên tập viên một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, có các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; nghiên cứu cách làm của các tạp chí khoa học quốc tế; 4) Thường xuyên trao đổi, gặp gỡ các cộng tác viên; tổ chức các hội thảo chuyên đề để tạo nguồn bài có chất lượng cao cho Tạp chí; 5) Có cơ chế khuyến khích các chương trình KH&CN cấp nhà nước có các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học quốc gia, trong đó có Tạp chí KH&CN Việt Nam. Đây là điều kiện vô cùng cần thiết để thúc đẩy nhanh tiến trình đạt chuẩn Scopus của Tạp chí KH&CN Việt Nam (một số nước trên thế giới cũng làm theo cách này để có thể nhanh chóng đạt được mục đích lọt vào cơ sở dữ liệu của Scopus) ✍

cho 2 nhóm giống lúa; 2 quy trình thu hoạch, chế biến cho 2 nhóm giống lúa; xây dựng các mô hình sản xuất các giống lúa Indica hạt dài và Japonica được tuyển chọn. Trong đó, các giống lúa Japonica có đặc tính: thời gian sinh trưởng ở vụ xuân dưới 135 ngày, vụ mùa từ 105-116 ngày, chống đổ tốt, chịu lạnh, ít rụng hạt, thích nghi với điều kiện thâm canh. Các giống lúa Indica có đặc tính: giống MT6 có thời gian sinh trưởng ở vụ xuân 120-125 ngày, vụ mùa 95-100 ngày, chống đổ tốt, chịu lạnh, kháng tốt với bệnh đạo ôn và rầy nâu; năng suất trung bình vụ xuân 6,46 tấn/ha, thâm canh đạt 6,98 tấn/ha; gạo có dạng hạt thon dài > 7 mm, mùi thơm, ăn ngon, cơm mềm, không dính, tỷ lệ gạo nguyên 80,5%; hàm lượng amilose 20%. Giống GL159 có thời gian sinh trưởng ở vụ xuân dưới 138 ngày, vụ mùa dưới 114 ngày, chống đổ tốt, chịu lạnh, kháng tốt với bệnh đạo ôn, bạc lá và rầy nâu; năng suất trung bình vụ xuân 6,55 tấn/ha, thâm canh đạt 7,0 tấn/ha. Các kết quả của đề tài đã được áp dụng trong sản xuất tại một số xã thuộc các huyện Đông Anh, Phú Xuyên, Thạch Thất.

Nghiên cứu thiết kế, xây dựng hệ thống thông tin quản lý và quảng bá phục vụ phát triển bền vững các làng nghề: đề tài do Công ty TNHH công nghệ phần mềm Sao Việt thực hiện. Kết quả, đã nghiên cứu thiết kế, xây dựng hệ thống thông tin quản lý và quảng bá phục vụ phát triển bền vững các làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về làng nghề (cơ sở dữ liệu sản phẩm làng nghề chủ yếu; cơ sở dữ liệu nghệ nhân, lao động làng nghề; cơ sở dữ liệu môi trường, giao thông làng nghề; cơ sở dữ liệu máy móc trang thiết bị công nghệ làng nghề; cơ sở dữ

liệu nguyên vật liệu làng nghề; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ làng nghề), cổng thông tin điện tử quảng bá sản phẩm làng nghề và phần mềm phục vụ quản lý nhà nước. Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu làng nghề tập trung trên máy chủ, dễ dàng kết xuất các báo cáo phục vụ công tác quản lý toàn diện, cung cấp bức tranh tổng thể về tình hình đầu tư, phát triển, sản xuất của các làng nghề, hệ thống hỗ trợ theo dõi công tác đào tạo nghề, tham quan, chuyển giao công nghệ cho các làng nghề góp phần phát triển bền vững làng nghề Hà Nội. Kết quả của đề tài đã được áp dụng tại Sở Công thương Hà Nội, Hiệp hội thủ công mỹ nghệ Hà Nội và một số làng nghề trên địa bàn thành phố.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý để hạn chế các phương tiện giao thông vận tải cá nhân, phù hợp với quy hoạch chung của Thủ đô: đề tài do Sở Giao thông vận tải Hà Nội thực hiện. Đề tài đã đánh giá được thực trạng các phương tiện giao thông vận tải cá nhân hoạt động trên địa bàn thành phố; đề xuất các giải pháp hạn chế phương tiện giao thông cá nhân góp phần khắc phục ùn tắc giao thông; áp dụng thí điểm một số giải pháp đã được lựa chọn cho khu vực trung tâm của Hà Nội; xây dựng 5 kịch bản cho giao thông của Hà Nội. Các kết quả của đề tài có ý nghĩa quan trọng, cung cấp các giải pháp khả thi nhằm hạn chế tình trạng ách tắc giao thông ở Hà Nội.

Hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo tổ máy bơm chìm - động cơ điện chìm trực đứng phục vụ tưới tiêu nông nghiệp và chống úng ngập: đây là dự án sản xuất thử nghiệm do Trung tâm Nghiên cứu tư vấn cơ điện và xây dựng thực hiện. Kết quả, đã tạo ra sản phẩm là tổ máy bơm chìm - động

cơ điện chìm có chất lượng tương đương với sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực. Sản phẩm tổ máy bơm chìm - động cơ điện chìm có lưu lượng và cột nước phù hợp với nhu cầu thực tế sản xuất trong nông nghiệp, trong tiêu nước thải, chống úng ngập tại địa bàn Hà Nội nói riêng và nhiều địa phương trên phạm vi cả nước. Sản phẩm được thiết kế và chế tạo trong nước, có giá thành thấp hơn so với sản phẩm cùng loại nhập khẩu. Sản phẩm của dự án đã được áp dụng tại Công ty Thủy lợi sông Đáy, Công ty Khai thác công trình thủy lợi và cấp thoát nước, phục vụ tưới tiêu trong nông nghiệp, chống úng ngập cho thành phố. Kết quả của dự án đã góp phần từng bước làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo loại sản phẩm này, chủ động cung cấp thiết bị phục vụ nhu cầu trong nước thời gian tới.

Hệ thiết bị cung cấp nước siêu sạch tinh khiết hỗ trợ sinh sản và nuôi cấy tế bào phôi: đề tài do Trung tâm Ứng dụng vật lý y sinh và kỹ thuật môi trường thực hiện. Lần đầu tiên ở trong nước đã chế tạo được hệ thiết bị cung cấp nước siêu sạch tinh khiết hỗ trợ sinh sản và nuôi cấy tế bào phôi với 2 cấp độ nước sạch tinh khiết trên cùng hệ thống khi hoạt động: 1) Nước tinh khiết đạt Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV dùng trong y tế; 2) Nước siêu sạch tinh khiết dùng trong kỹ thuật cao như: hỗ trợ sinh sản nuôi cấy tế bào phôi, điều trị xạ trị, sản xuất dược phẩm; chỉ tiêu chất lượng nước đạt chỉ tiêu chất lượng Arium của Đức. Hệ thiết bị sử dụng kỹ thuật tổ hợp dùng vật liệu nano quang xúc tác được tích hợp với đèn UV để khử TOC kết hợp khử khuẩn trong công nghệ xử lý nước siêu sạch tinh khiết. Giá thành mỗi hệ thiết bị của đề tài rẻ hơn so với

nông nghiệp thực hiện. Kết quả, đã xây dựng được mô hình sản xuất và sử dụng rơm rạ để bón cho đất bạc màu khu vực xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn; chế tạo thiết bị sản xuất than sinh học. Mô hình thử nghiệm bón than sinh học cho đất trồng lúa bạc màu tại xã Bắc Phú trong 4 vụ được đánh giá là có hiệu quả cải tạo đất và năng suất cây trồng, có thể triển khai nhân rộng tại những vùng có nhiều phế phụ phẩm nông nghiệp, thích hợp với vùng đất dốc, đất xám bạc màu, vùng đồi gò nghèo dinh dưỡng, có độ chua cao như một số vùng ở Sóc Sơn, Ba Vì, Thạch Thất, thị xã Sơn Tây. Để tài đã lựa chọn được phương pháp tối ưu nhất để sản xuất than sinh học, đó là cho rơm rạ vào thùng kín và nhiệt phân từ bên ngoài bằng thùng phuy. Thiết bị sản xuất than sinh học nhỏ, gọn, cơ động giúp nông dân có thể di chuyển dễ dàng trên đồng ruộng. Than sinh học được sản xuất có hàm lượng cacbon cao, đạt 340,5 g/kg (34,05%) đối với than làm từ trấu và 440,9 g/kg (44,09%) đối với than làm từ rơm rạ. Việc bón than sinh học đã góp phần cải tạo đất, nâng cao năng suất cây trồng và giảm ô nhiễm phát sinh từ phế thải nông nghiệp. Than sinh học được chế tạo ngay trên đồng ruộng sau khi thu hoạch lúa nên không mất công vận chuyển, đảm bảo vệ sinh môi trường do hạn chế việc đốt rơm rạ ở ngoại thành, nguyên vật liệu rẻ và dễ kiếm nên giá thành than thấp, dễ chấp nhận và có khả năng nhân rộng áp dụng tại các vùng đất có tính chất tương tự. Bên cạnh việc bón cho đất bạc màu thì than sinh học còn có thể dùng để sản xuất giá thể trồng rau, hoa và cây cảnh.

Định hướng giai đoạn 2016-2020

Theo chỉ đạo của Lãnh đạo thành phố Hà Nội và căn cứ vào tình hình thực tiễn của Thủ đô, hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Hà Nội giai đoạn tới cần ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ sau: 1) Hình thành và phát triển các công nghệ cao, đồng thời sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, tiết kiệm hiệu quả năng lượng; 2) Giải quyết các vấn đề bức xúc của thành phố trên một số lĩnh vực như: ô nhiễm môi trường, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt, đô thị, làng nghề, bệnh viện, khu công nghiệp; vệ sinh an toàn thực phẩm; tình trạng ùn tắc và tai nạn giao thông; chống úng lụt; lĩnh vực quản lý và xây dựng đô thị; chương trình về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai áp dụng ISO phục vụ cải cách hành chính; chương trình sản xuất rau và thực phẩm an toàn vệ sinh; 3) Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ quản lý tiên tiến phục vụ quản lý nhà nước, cải cách hành chính và xây dựng các luận cứ khoa học phục vụ hoạch định đường lối, xây dựng các cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô; 4) Tập trung nghiên cứu, phát triển công nghiệp trên cơ sở đổi mới công nghệ; tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số ngành và sản phẩm công nghiệp. Tăng cường nghiên cứu phổ biến và ứng dụng chuyển giao KH&CN để phục vụ trực tiếp cho tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô; 5) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KH&CN phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn; trong đó tập trung vào quy hoạch nông thôn, cấp nước, xử lý môi trường; phát triển các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, tập trung vào những khâu có giá trị gia tăng cao như: giống cây con, chế biến, canh tác, nuôi trồng công nghệ cao,

tạo ra các sản phẩm sạch, năng suất cao, chất lượng; 6) Tập trung nghiên cứu, phát triển các ngành công nghệ mũi nhọn và các sản phẩm ưu tiên thuộc các lĩnh vực cơ khí, tự động hoá, điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ thông tin và công nghệ môi trường. Đẩy mạnh các chương trình sản phẩm, phối hợp với các tổ chức/cá nhân có thế mạnh (trong cơ khí chế tạo, xây dựng, tự động hoá, xử lý môi trường...) để nghiên cứu sản xuất trọn bộ dây chuyền xử lý nước thải khu công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, bệnh viện.

*
* *

Có thể nói, Hà Nội là một trong số ít các địa phương có các ban chủ nhiệm chương trình KH&CN cấp thành phố để tư vấn cho Sở KH&CN và UBND thành phố trong việc tuyển chọn, xét chọn, giám sát thực hiện và nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN. Nhờ đó, trong 5 năm qua, các chương trình KH&CN cấp thành phố đã được triển khai có hiệu quả với gần 500 đề tài/dự án nghiên cứu, tập trung vào nhiều lĩnh vực khác nhau, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Thực tiễn cho thấy, các đề tài/dự án của Hà Nội đã chứng minh được hiệu quả ứng dụng cao trong sản xuất. Với những định hướng rõ ràng trong giai đoạn 2016-2020, chắc chắn các hoạt động KH&CN của thành phố Hà Nội sẽ tiếp tục khẳng định được vai trò then chốt và yêu cầu không thể thiếu đối với các cơ quan quản lý, tổ chức xã hội, doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô trong xu hướng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

SH